TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2017/KDTM-PT.
Ngày: 11/7/2017.
V/v: "Tr/c hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà ***Hoàng Thị Thu Hường***;

Các Thẩm phán: Bà ***Nguyễn Thị Kim Hường***;

Ông ***Phạm Đình Thi.***

- Thư ký phiên tòa:

Ông ***Quách Văn Khánh*** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang:

Ông ***Trương Văn Chi*** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2017/TLPT-KDTM ngày 24 tháng 4 năm 2017 về việc: "***Tranh chấp hợp đồng tín dụng***".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 09/2016/KDTM-ST ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố R bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2017/QĐPT-KDTM ngày 08 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ***Quỹ tín dụng V.***

Địa chỉ: Đường T, phường V, thành phố R, Kiên Giang

Người đại diện theo pháp luật: Ông ***Bùi Văn H*** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông ***Ngô Văn H***- Chức vụ: Cán bộ Phòng Kinh doanh, theo văn bản ủy quyền ngày 11/11/2015 (có mặt).

Địa chỉ: Đường T, phường V, thành phố R, Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông ***Mai Viết T,*** sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Đường L, phường V, thành phố R, Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà ***Trần Thị Tú L,*** sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Đường L, phường V, thành phố R, Kiên Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Mai Viết T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Đại diện nguyên đơn Quỹ tín dụng V trình bày**:

Vào ngày 23/9/2014, ông Mai Viết T và bà Trần Thị Tú L ký hợp đồng tín dụng số 14DK/168/HĐTD-QTD vay Quỹ tín dụng V số tiền 550.000.000đ, thời hạn vay là 12 tháng, đáo hạn ngày 23/9/2015, lãi suất là 1,10%/tháng, lãi quá hạn là 1,65%/tháng, lãi trả mỗi tháng, trả gốc cuối kỳ, mục đích vay là để bổ sung vốn kinh doanh mua bán và sửa nhà cho thuê.

Tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay theo các hợp đồng thế chấp số 168A, 168B,168C và 168D đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 23/9/2014 tại Phòng Công chứng Kiên Giang gồm:

- Quyền sử dụng đất tọa lạc tại địa chỉ: Số 51/5/18 Đường M, khu phố N, phường VT, thành phố R, Kiên Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 864647 do Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố R cấp ngày 12/3/2009 cho bà Trần Thị Tú L;

- Quyền sử dụng đất tọa lạc tại địa chỉ: Số 51/5/24 Đường M, khu phố N, phường VT, thành phố R, Kiên Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 755373 do UBND thành phố R cấp ngày 04/02/2009 cho bà Trần Thị Tú L;

- Quyền sử dụng đất tọa lạc tại đường Đường M, khu phố N, phường VT, thành phố R, Kiên Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 864662 do UBND thành phố R cấp ngày 02/4/2009 cho bà Trần Thị Tú L;

- Và quyền sử dụng đất tọa lạc tại địa chỉ: Số 51/5/22 Đường M, khu phố N, phường VT, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, theo hợp đồng thế chấp số 168A. Tài sản này đã được xóa thế chấp vào thời điểm bị đơn trả số tiền gốc 180.000.000 đồng.

Trong quá trình vay, ông T và bà L đã trả được tổng số tiền là 202.038.700đ, trong đó: Tiền gốc là 180.000.000đ và tiền lãi là 22.038.700đ. Ngoài ra, không trả thêm được khoản nào nữa.

Tạm tính đến 23/3/2016, ông Mai Viết T và bà Trần Thị Tú L còn nợ Quỹ tín dụng V tổng số tiền là 439.301.900đ; trong đó: Tiền nợ gốc là 370.000.000đ, tiền nợ lãi là 65.121.000đ và tiền lãi phạt là 4.180.900đ.

Nay Quỹ tín dụng V yêu cầu ông Mai Viết T và bà Trần Thị Tú L phải thực hiện ngay nghĩa vụ trả nợ tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/3/2016 là 439.301.900 đồng, và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Trường hợp không trả được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho Quỹ tín dụng V.

*** Bị đơn ông Mai Viết T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Tú L trình bày:**

Vợ chồng ông, bà thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng số 14DK/168/HĐTD-QTD ngày 23/9/2014 nhưng chỉ để hợp thức hóa, chứ không được nhận tiền giải ngân. Vợ chồng ông, bà thừa nhận có ký hợp đồng thế chấp bốn tài sản đảm bảo nợ vay gồm:

- Quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 51/5/18 Đường M, khu phố N, phường VT, thành phố R, Kiên Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 864647 do UBND thành phố R cấp ngày 12/3/2009 cho bà Trần Thị Tú L;

- Quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 51/5/24 Đường M, khu phố N, phường VT, thành phố R, Kiên Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 755373 do UBND thành phố R cấp ngày 04/02/2009 cho bà Trần Thị Tú L;

- Quyền sử dụng đất tọa lạc tại đường Đường M, khu phố N, phường VT, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 864662 do UBND thành phố R cấp ngày 02/4/2009 cho bà Trần Thị Tú L;

- Và quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 51/5/22 Đường M, khu phố N, phường VT, thành phố R, Kiên Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 359852 do UBND thành phố R cấp ngày 14/4/2001 cho bà Trần Thị Tú L. Tài sản thế chấp này Quỹ tín dụng V đã đồng ý cho vợ chồng ông T bán và đã trả nợ được số tiền là 180.000.000đ, nên đã rút ra và hủy thế chấp.

Thời điểm ký hợp đồng tín dụng hai bên đã thỏa thuận trong thời gian thực hiện hợp đồng vợ chồng ông, bà được bán từng tài sản thế chấp nêu trên để thực hiện việc trả nợ nhưng khi tiếp tục bán tài sản tiếp theo thì Quỹ tín dụng không đồng ý mà buộc vợ chồng ông, bà phải bán hết các tài sản thế chấp cùng lúc để trả nợ.

Các hợp đồng thế chấp trên để đảm bảo việc trả góp của khách hàng mà ông T là cộng tác viên. Thừa nhận trong quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng ông, bà đã trả được tổng số tiền là 202.038.700đ; trong đó: tiền gốc là 180.000.000đ, tiền lãi là 22.038.700đ.

Nay vợ chồng ông, bà không đồng ý trả số tiền nợ theo yêu cầu của Quỹ tín dụng, cũng không đồng ý để phát mãi tài sản thế chấp mà chỉ đồng ý trả số tiền theo giấy nhận nợ ông bà cung cấp cho Tòa án.

*** Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 09/2016/KDTM-ST ngày 29/3/2016, Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Quỹ tín dụng V về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với bị đơn - ông Mai Viết T.

- Buộc ông Mai Viết T có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng V số tiền nợ gốc 370.000.000 đồng, tiền lãi là 65.121.000 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 23/3/2016 là 4.180.900 đồng, tổng cộng số tiền gốc và lãi: 439.301.900 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp bao gồm:

- Quyền sử dụng đất tọa lạc tại địa chỉ: Số 51/5/18 Đường M, khu phố N, phường VT, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 864647 do UBND thành phố R cấp ngày 12/3/2009 cho bà Trần Thị Tú L;

- Quyền sử dụng đất tọa lạc tại địa chỉ: Số 51/5/24 Đường M, khu phố N, phường VT, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 755373 do UBND thành phố R cấp ngày 04/02/2009 cho bà Trần Thị Tú L;

- Quyền sử dụng đất tọa lạc tại đường Đường M, khu phố N, phường VT, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 864662 do UBND thành phố R cấp ngày 02/4/2009 cho bà Trần Thị Tú L;

Ngoài ra, bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc kể từ ngày 30/3/2016 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*** Ngày 07/4/2016 ông Mai Viết T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung:**

Ông là cộng tác viên của Quỹ tín dụng V, từ năm 2008 đến năm 2014 do khách hàng không có khả năng trả nợ nên ông trả nợ thay, Quỹ tín dụng đã không thực hiện đúng thỏa thuận cho ông bán từng căn nhà để trả nợ. Ngày 29/9/2014 ông đã thực hiện một phần nghĩa vụ là 180.000.000 đồng. Đồng thời yêu cầu xem xét lại chứng từ tất toán hợp đồng số 12, giám định chữ ký và chữ viết của ông trong "Phiếu xuất ngoại bản", phiếu thu tiền, đơn yêu cầu xóa thế chấp, hồ sơ vay vốn của 54 khách hàng, quyền và nghĩa vụ không được thực hiện khi có sự thỏa thuận của hai bên. Đề nghị giải quyết công bằng và chính xác cho ông.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm**:

- Đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút lại yêu cầu tính lãi phạt, chỉ yêu cầu ông T, bà L trả nợ gốc, lãi trong hạn và quá hạn.

- Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo và yêu cầu được bán tài sản thế chấp để trả nợ cho Quỹ tín dụng V.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Việc tuân theo tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Kháng cáo của ông Mai Viết T là có căn cứ chấp nhận một phần đối với lãi suất, vì việc tính lãi phạt của Quỹ tín dụng V là trái quy định của Bộ luật dân sự vì không có quy định nào cho phép phạt nhiều lần về cùng một vi phạm trong hợp đồng tín dụng nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông Mai Viết T, sửa một phần bản án kinh

doanh thương mại sơ thẩm số: 09/2016/KDTM-ST ngày 29/3/2016 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Theo nội dung kháng của ông Mai Viết T cho rằng: Hợp đồng tín dụng số 14DK/168/HĐTD-QTD ký ngày 23/9/2014 giữa vợ chồng ông với Quỹ tín dụng V (sau đây viết tắt là Quỹ tín dụng) là hợp đồng giả tạo, nhằm mục đích đảo nợ, che giấu hợp thức hóa hợp đồng bảo lãnh thế chấp tài sản của khách hàng vay vốn hoặc bảo lãnh tài sản bằng tài sản của bên thứ ba số 12/HĐBL/009-CTV ngày 27/02/2012, vì ông là cộng tác viên của Quỹ tín dụng nên ông đứng ra bảo lãnh cho các khoản vay của khách hàng. Việc Quỹ tín dụng không thực hiện theo như thỏa thuận cho vợ chồng ông được bán từng tài sản thế chấp để trả nợ, đã gây thiệt thòi quyền lợi của vợ chồng ông. Ông yêu cầu xem xét lại chứng từ tất toán hợp đồng số 12, giám định chữ ký và chữ viết của ông trong "Phiếu xuất ngoại bản", phiếu thu tiền, đơn yêu cầu xóa thế chấp, hồ sơ vay vốn của 54 khách hàng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Quỹ tín dụng xác định: Hợp đồng bảo lãnh thế chấp của khách hàng vay vốn hoặc bảo lãnh tài sản bằng tài sản của bên thứ ba số 12/HĐBL/009-CTV ngày 27/02/2012 là hợp đồng đảm bảo nợ vay cho khách hàng trong thời gian ông T làm cộng tác viên của Quỹ tín dụng và hợp đồng này đã tất toán, Quỹ tín dụng cũng không yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng số 12/HĐBL/009-CTV ngày 27/02/2012 trong vụ án này. Thỏa thuận cho bị đơn bán từng tài sản trả nợ ngày 13/09/2014 là trong khoảng thời gian hai bên còn thực hiện hợp đồng trước đó, đối với Hợp đồng tín dụng số 14DK/168/HĐTD-QTD ký ngày 23/9/2014 hiện nay đang tranh chấp thì giữa hai bên không có thỏa thuận nội dung này nên Quỹ tín dụng không đồng ý với yêu cầu này của ông T.

Đối chiếu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cho thấy: Vào ngày 23/9/2014, ông Mai Viết T và bà Trần Thị Tú L ký Hợp đồng tín dụng số 14DK/168/HĐTD-QTD để vay của Quỹ tín dụng V số tiền 550.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, mục đích vay kinh doanh, lãi trong hạn là 1,1%/tháng và lãi quá hạn là 1,65%/tháng. Hợp đồng tín dụng này được bảo đảm bằng tài sản thế chấp là 04 quyền sử dụng đất tọa lạc tại đường Đường M, khu phốN, phường VT, thành phố R, tỉnh Kiên Giang đứng tên bà Trần Thị Tú L. Việc ông T, bà L ký kết Hợp đồng tín dụng số 14DK/168/HĐTD-QTD với Quỹ tín dụng là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật. Trong quá trình vay vốn, ngày 29/9/2014 ông T, bà L đã trả nợ gốc cho Quỹ tín dụng 180.000.000 đồng và trả lãi được 22.038.700 đồng, đã được xóa thế chấp 01 tài sản là quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 51/5/22 Đường M, khu phố N, phường VT, thành phố R, Kiên Giang, theo Hợp đồng thế chấp số 168A ngày 23/09/2014.

Khi đến hạn thanh toán ngày 23/9/2015 và đến nay ông T, bà L không trả nợ gốc và tiền lãi, nên Quỹ tín dụng khởi kiện yêu cầu ông T trả nợ gốc 370.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 23/3/2016 là phù hợp thỏa thuận của các bên ký kết tại Hợp đồng tín dụng số 14DK/168/HĐTD-QTD và đúng với quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng.

Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu xem xét lại chứng từ tất toán hợp đồng số 12, giám định chữ ký và chữ viết của ông T trong "Phiếu xuất ngoại bản", phiếu thu tiền, đơn yêu cầu xóa thế chấp, hồ sơ vay vốn của 54 khách hàng, xét thấy tại cấp sơ thẩm ông T không yêu cầu xem xét các nội dung này, đồng thời các nội dung này thuộc về Hợp đồng bảo lãnh thế chấp của khách hàng vay vốn hoặc bảo lãnh tài sản bằng tài sản của bên thứ ba số 12/HĐBL/009-CTV ngày 27/02/2012 - không thuộc đối tượng khởi kiện trong vụ án vì Quỹ tín dụng chỉ khởi kiện đối với Hợp đồng tín dụng số 14DK/168/HĐTD-QTD ký ngày 23/9/2014.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T, bà L cũng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên HĐXX phúc thẩm không có cơ sở xem xét.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Quỹ tín dụng yêu cầu ông T trả tiền lãi tính đến ngày 23/3/2016 tổng cộng là 69.301.900 đồng trong đó có lãi phạt là trái quy định pháp luật, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ số tiền này là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T, bà L. Vì Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã hướng dẫn tại phần 1.3 mục 1 văn bản số 1335/NHNN-CSTT ngày 22/02/2010 về việc phạt chậm trả đối với trường hợp nợ quá hạn thì: "Các tổ chức tín dụng áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001; theo đó, mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay". Ngoài ra, Văn phòng Chính phủ ban hành văn bản số 678/VPCP-KTTH ngày 07/7/2008 thông báo cho Ngân hàng Nhà nước ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ đồng ý tiếp tục thực hiện Quyết định số 1627 nêu trên về cơ chế lãi suất phạt quá hạn và xác định lãi suất phạt quá hạn chính là lãi quá hạn. Như vậy, ngoài các quy định nêu trên và đối cHvới quy định trong Bộ luật dân sự thì không có quy định nào cho phép phạt nhiều lần về cùng một vi phạm trọng hợp đồng tín dụng. Nên việc ông T kháng cáo là có căn cứ chấp nhận một phần về lãi suất.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Quỹ tín dụng V xin rút lại yêu cầu tính lãi phạt, xét thấy việc rút yêu cầu này của Quỹ tín dụng là phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Do đó, số tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày vay 23/9/2014 đến ngày hết hạn hợp đồng 23/9/2015, lãi trong hạn được tính hai giai đoạn như sau:

- Từ ngày 23/9/2014 đến ngày 29/9/2014 là: 550.000.000 đồng x 1,1%/tháng x 06 ngày = **1.210.000 đồng.**

- Từ ngày 29/9/2014 (Ngày ông T trả nợ gốc 180 triệu đồng) đến ngày 23/9/2015 là: 370.000.000 đồng x 1,1%/tháng x 11 tháng 24 ngày = **48.025.984 đồng.**

Lãi quá hạn từ ngày 23/9/2015 đến ngày Quỹ tín dụng yêu cầu ông T thanh toán ngày 23/3/2016 là: 370.000.000 đồng x 1,65%/tháng x 06 tháng = **36.630.000 đồng.**

Tổng cộng lãi trong hạn và quá hạn ông T, bà L có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng là 85.865.984 đồng. Ông T, bà L đã thanh toán tiền lãi cho Quỹ tín dụng được 22.038.700 đồng, nên ông T, bà L còn nợ lại tiền lãi là 63.827.284 đồng. Như vậy, ông T, bà L có nghĩa vụ trả nợ gốc 370.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn, quá hạn là 63.827.284 đồng và tiền lãi phát sinh trên hợp đồng tín dụng từ ngày 23/3/2016 đến ngày thanh toán xong khoản nợ.

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Quỹ tín dụng V yêu cầu trách nhiệm trả nợ của cả ông T và bà L, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định chấp nhận yêu cầu của Quỹ tín dụng buộc trách nhiệm trả nợ của cả ông T, bà L là có căn cứ, nhưng phần quyết định của bản án, Tòa án cấp sơ thẩm lại không buộc trách nhiệm liên đới của bà L là có thiết sót; tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc trách nhiệm của cả ông T và bà L nên cấp phúc thẩm cần thiết sửa nội dung này, buộc bà L có trách nhiệm liên đới cùng ông T trả nợ cho Quỹ tín dụng mới đúng quy định pháp luật, phù hợp với yêu cầu hợp pháp của nguyên đơn và tính chất thực tế của vụ án.

Từ những nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Mai Viết T. Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 09/2016/KDTM-ST ngày 29/3/2016 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

+ Ông Mai Viết T và bà Trần Thị Tú L phải liên đới nộp án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho Quỹ tín dụng V là 21.353.091 đồng (20.000.000 đồng + 4% x 33.827.284 đồng, là giá trị vượt 400.000.000 đồng).

+ Quỹ tín dụng V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.600.000 đồng.

- Án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên ông Mai Viết T không phải chịu án phí phúc thẩm, ông T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 302, 471, 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27/02/2009;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Mai Viết T.

Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 09/2016/KDTM-ST ngày 29/3/2016 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng V về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" với ông Mai Viết T, bà Trần Thị Tú L.

- Buộc ông Mai Viết T và bà Trần Thị Tú L có nghĩa vụ liên đới trả cho Quỹ tín dụng V số tiền nợ gốc 370.000.000 *(Ba trăm bảy mươi triệu)* đồng, tiền lãi trong hạn và quá hạn 63.827.284 (*Sáu mươi ba triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm tám mươi bốn)* đồng. Tổng cộng là 433.827.284 (*Bốn trăm ba mươi ba triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm tám mươi bốn*) đồng.

Kể từ ngày 23/3/2016, ông Mai Viết T, bà Trần Thị Tú L còn phải trả cho Quỹ tín dụng V khoản tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 14DK/168/HĐTD-QTD ngày 23/9/2014 được ký kết giữa Quỹ tín dụng V với ông Mai Viết T trên số nợ gốc còn thiếu cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp ông Mai Viết T, bà Trần Thị Tú L không trả được số tiền gốc và lãi nêu trên, thì Quỹ tín dụng V có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Quỹ tín dụng, bao gồm:

- Quyền sử dụng đất tọa lạc tại địa chỉ: Số 51/5/18 Đường M, khu phố N, phường VT, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 864647 do UBND thành phố R cấp ngày 12/3/2009 cho bà Trần Thị Tú L;

- Quyền sử dụng đất tọa lạc tại địa chỉ: Số 51/5/24 Đường M, khu phố N, phường VT, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 755373 do UBND thành phố R cấp ngày 04/02/2009 cho bà Trần Thị Tú L;

- Quyền sử dụng đất tọa lạc tại đường Đường M, khu phố N, phường VT, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 864662 do UBND thành phố R cấp ngày 02/4/2009 cho bà Trần Thị Tú L;

*** Về án phí:**

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

+ Buộc ông Mai Viết T và bà Trần Thị Tú L phải liên đới nộp án phí có giá ngạch là 21.353.091 *(Hai mươi mốt triệu ba trăm năm mươi ba nghìn không trăm chín mươi mốt)* đồng.

+ Quỹ tín dụng V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.600.000 *(Chín triệu sáu trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu tiền số 0003110 ngày 12/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R.

- Án phí phúc thẩm: Ông Mai Viết T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 *(Hai trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền số 0005576 ngày 13/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (11/7/2017).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hường

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Kiên Giang;*
- *TAND TP. R;*
- *Chi cục THADS TP. R;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*